
UNIT 10 - CONSERVATION

A. READING

- conserve (v)	bảo tồn
- conservation (n)	sự bảo tồn
- destroy (v)	tàn phá, phá hủy
- variety (n)	sự đa dạng
- species (n)	loài
- eliminate (v) = remove / get rid of	loại bỏ
- cancer (n)	bệnh ung thư
- heart disease	bệnh tim
- sickness (n) – sick (a)	bệnh
- hydroelectric dam	đập thủy điện
- provide (v)	cung cấp
- power (n)	điện
- play a part in	đóng vai trò
- circulation (n)	sự tuần hoàn
- run off	chảy, trôi đi
- valuable (a)	có giá trị
- rapid = quick / fast	nhanh
- damage (n, v)	(sự) hư hỏng, tổn thất
- threaten (v)	đe dọa
- disappearance (n)	sự biến mất
- search for	tìm kiếm
- vegetation(n)	thực vật
- erosion (n)	sự xói mòn

Task 1: page 105 in the textbook

Task 2: (page 106 in the textbook) True / False statements

Task 3: Choose the best answers.

1. Why are the plants and animals precious?
 - A. Because we can sell them at a high price.
 - B. Because they can be used to cure serious diseases
 - C. Because plants can cause cancer, AIDS and heart diseases.
 - D. Because animals can be kept in the zoos for people to observe.
2. About 5,000 species of plants and animals are eliminated every year.

A. discovered	B. found	C. removed	D. get rid of
---------------	----------	------------	---------------
3. Trees, grasses and other plant life must be conserved.

A. protected	B. killed	C. provided	D. destroyed
--------------	-----------	-------------	--------------
4. We are doing a lot of ----- to the environment.

A. study	B. discovery	C. damages	D. damage
----------	--------------	------------	-----------
5. What can we do to protect the environment?

A. Pollute the rivers and seas	B. Make the plants and animals disappear
C. Cut trees and kill animals	D. Stop doing what can doing harm to the environment
6. What can be inferred from the reading text?
 - A. Floods are caused by a lot trees being cut down.
 - B. Plants are more important than water.
 - C. We should protect animals by keeping them at home.
 - D. The scientists can't do anything to protect the nature.

B. SPEAKING

Vocabulary

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| - endangered species | các loài bị nguy hiểm |
| - reconstruct (v) | tái tạo, xây dựng lại |
| - reconstruction (n) | su xây dựng lại |
| - breed (v) | nuôi nấng |
| - gorilla (n) | con khỉ |

Pair work: Ask and answer (task 1, page 106)

Task 2: Pair work

Advantages	Disadvantages
<ul style="list-style-type: none"> - animals may have better food - endangered animals can develop - animals can live in natural environment - children can visit the animals to know more about their life 	<ul style="list-style-type: none"> - it is expensive to reconstruct animals' natural environment - it is expensive to remain the zoo's activities - keepers may be in danger - keepers can be injured or even killed

S1: I think zoos of the new kind are very good for animals because -----

S2: Yes, I believe so. But -----

S1: I suppose you are right. However, -----

S2: May be you are right.

C. LISTENING

Vocabulary

- forest (n)	rừng
- forester (n)	người trông coi rừng
- campfire (n)	lửa trại
- awful (a)	khủng khiếp
- heap of leave	đống lá khô
- unpleasant (a) # pleasant (a)	không vui # vui
- wood (n)	gỗ, rừng
- wildlife (n)	động vật hoang dã
- spread (v)	lan tràn

Task 1, 2, 3 in the textbook (page 108)

D. WRITING

A letter of invitation: Thư mời

Expressions:

- Let's + V1 *Ex: Let's go to the cinema tonight.*
- Why don't you + V1?
- Can you + V1?
- Shall we + V1?
- Why don't we + V1?
- Would you like + to-inf?
- Are you free + to-inf?
- Do you feel like + V-ing?
- How about + V-ing?

The structure of the letter: Cấu trúc của thư mời

Trong thư mời cần cung cấp thông tin về:

- tên người tổ chức / ai là chủ buổi tiệc?
- ngày, địa chỉ và thời gian tổ chức
- yêu cầu trả lời lời mời

Task 1, 2 in the textbook (page 109)

Task 3: Put the verb in the correct forms or tenses

Dear Lam,

We (not / meet) -----1-----since you (move) -----2-----.

I (miss) -----3-----you a lot. We (have) -----4-----some days off between the two terms soon. If you (not/ make) -----5----- any other plans, why don't we (spend) -----6----- a weekend together?

Do you feel like (visit) -----7----- the forest near my grandparents' home again? It (look) -----8-----quite different now because many young trees (be/plant) -----9----- at the Tree-Planting Festivals.

Do come if you (find) -----10----- it possible and I (make) -----11----- all the preparations then.

Give my love to your parents.

Your friend,

Nam

E. LANGUAGE FOCUS

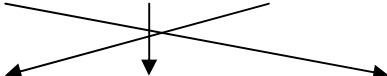
I. Pronunciation /b/ - /p/

II. Grammar

THE PASSIVE VOICE: Câu bị động

1. CÁCH CHUYỂN ĐỔI TỪ CÂU CHỦ ĐỘNG SANG CÂU BỊ ĐỘNG

Active: **SUBJECT + VERB + OBJECT**



Passive: **SUBJECT + BE + P.P + BY + OBJECT**

Ex: Active: Susan **wrote** a letter.

Passive: A letter **was written** by Susan.

Active: He **has bought** some books.

Passive: Some books **have been bought** (by him).

2. CÁCH CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC ĐỘNG TỪ CỦA MỘT SỐ THÌ

TENSES	ACTIVE FORM	PASSIVE FORM
Simple present	V1 / Vs(es)	Am / is / are + V3
Present continuous	Am / is / are + V-ing	Am / is / are + being + V3
Present perfect	Has / have + P.P	Has / have + been + V3
Simple past	V2 / V-ed	Was / were + V3
Past continuous	Was / were + V-ing	Was / were + being + V3
Past perfect	Had + P.P	Had + been + V3
Simple future	Will / shall + V1	Will / shall + be + V3
Be going to	Am/is/are going to + V1	Am/is/are going to be + V3
Modal verbs	Can / May / Have to + V1	Can/May/Have to + be + V3

- Ex: 1. People speak English all over the world. → English **is spoken** all over the world.
 2. They built the museum in 1990. → The museum ----- in 1990.
 3. Ann is washing the clothes. → The clothes ----- by Ann.
 4. We have watched this film several times.
 → -----
 5. She will give us another chance. → We ----- another chance.
 6. They had made an announcement before I came.
 → -----

EXERCISE 1: Chuyển các câu sau sang thể bị động.

- The teacher explains the lesson.

- Mrs Green is cooking the food in the kitchen.

- The doctor examined the patients.

4. These boys made that noise.

.....

5. People speak English all over the world.

.....

6. The movie has disappointed us very much.

.....

7. They have to pay the bill before the first of the month.

.....

8. They will ask you several questions.

.....

9. She sang a song.

.....

10. They are going to build a new school in this area.

.....

11. The teacher corrects our exercises at home.

.....

12. They are building several new schools in our town.

.....

13. Nobody has made mistakes.

.....

14. Nobody has answered my question properly.

.....

EXERCISE 2: Choose the best answer.

1. Orangesin Valencia for centuries.

- A. grow B. have been grown C. were grown D. are grown

2. I can't believe it. My bicyclelast night.

- A. is stolen B. stole C. was stolen D. was being stolen

3. "When can I have my car back?"

"I think it'lllate this afternoon."

- A. finish B. be finish C. have been finished D. have finish

4. Many U.S automobilesin Detroit, Michigan.

-
- A. manufacture B. have manufactured C. are manufacturing D. are manufactured
5. The child's arm was swollen because heby a bee.
A. stings B. had stung B. had been stung D. has stung
6. The vocabulary listby all of the students.
A. memorizes B. memorized C. had memorized D. had been memorized
7. "What a beautiful shirt you're wearing!"
"Thank you. It especially for me by my mother."
A. is made B. has made C. made D. was made
8. Dynamite by Alfred Bernard Nobel.
A. have been invented B. invented
C. was invented D. was being invented
9. This picture by Johnny when I came.
A. painted B. was painted
C. was being painted D. had been painted
10. This exercise may with a pencil.
A. be written B. be to write C. be writing D. write
11. Daisy's ring is make of gold.
A B C D
12. Hamlet was wrote by William Shakespeare.
A B C D
13. English is studying by Henry every night.
A B C D
14. The last day of the holiday will ended in disaster.
A B C D
15. This building will have finished by the end of 2020.
A B C D
16. He broke my watch.
A. My watch were broken. B. My watch be broken.
C. My watch is broken. D. My watch was broken.
17. They speak much about this book.
A. This book is much spoken about.
B. This book is much spoken.
C. This book is much about spoken.
D. This book are much spoken about.

MỜI QUÝ KHÁCH THAM KHẢO MỘT SỐ WEBSITE CÔNG TY CHÚNG TÔI ĐÃ LÀM GÀN

ĐÂY:

1. Thiết kế website:

www.chepphim.net (Công ty TNHH DV - TM Vi Tính Thu Ngân)

www.decalsaigon.com (Hệ thống cửa hàng decal)

www.pvgasd.com.vn (Công ty Cổ phần phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam)

www.fta.vn (Công ty TNHH nghiên cứu thị trường Định Hướng)

<http://susasoft.com/khangthinh> (Công Ty TNHH XNK Khang Thịnh)

<http://www.vcptw.com> (Công ty TNHH Vinh Cơ)

www.tours-vietnam.com

2. Phần mềm:

Chúng tôi đã phát triển phần mềm ứng dụng cho các công ty sau

a. Công ty cổ phần L&A :

+Website: www.l-a.com.vn

+Nội dung: phát triển hệ thống CRM trong lĩnh vực tuyển dụng

b. Công ty cổ phần xây dựng Đông Dương:

+Website: www.dongduongvn.com

+Nội dung: phát triển hệ thống CRM, chuyển đổi dữ liệu (Import) cũ vào phần mềm CRM

c. Công ty cổ phần Tân Vĩnh Cửu:

+Website: www.tavicowood.com

+Nội dung: phát triển hệ thống phần mềm CRM

d. Công ty Vi Tính thu ngân:

+Website: www.chepphim.net

+Nội dung: phát triển phần mềm quản lý chép phim, bán linh kiện vi tính

e. Công ty dịch vụ vận tải Gió Mới:

+Website: www.giomoi.tk

+Nội dung: xây dựng phần mềm quản lý trong lĩnh vực chuyển phát nhanh

LIÊN HỆ

- Chúng tôi rất mong được hợp tác với Quý vị thành công trong việc xây dựng và phát triển website cho Quý công ty

- Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Công ty phần mềm Cửu Long

Hotline: 0975 28 2009 Mr. Dương

Email : contact@susasoft.com, chaptergoat@gmail.com

Địa chỉ: 45 Nguyễn Ảnh Thủ, Hiệp Thành, Quận 12, Tp.HCM.

Website: www.susasoft.com.